

# LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

## QUYỂN 66

Phân Nhiếp Quyết Trạch.  
Địa Huệ Do Tư Tạo Thành

*Đoạn 2:*

Lại nữa, như Đức Thế Tôn đã nói về Tánh của ba khổ.

Ở đây, thế nào là Tánh của Hành khổ? Nghĩa là phiền não nghiệp của Hữu sau đã sanh khởi các Hành, ở trong tự thể của chúng, có thể tùy thuận sanh Tất cả phiền não cùng với các khổ hiện có đã được an lập. Hết thấy biến hành thuộc về thô trọng, cũng gọi là thô trọng, là Tánh của Hành khổ. Dựa nơi Hành khổ ấy, Đức Phật Thế Tôn đã lược nói về năm thủ uẩn, đều gọi là khổ.

Lại, Hành khổ này là biến hành tất cả, hoặc trong lạc thọ hoặc trong khổ thọ, hoặc trong thọ không khổ không lạc. Nhưng ở trong thọ không khổ không lạc, tánh thô trọng ấy hiển hiện phân minh, thì nên chỉ nói thọ không khổ không lạc do Hành khổ nên khổ. Ở trong khổ thọ lạc thọ, hai pháp Ái, Sân nhiều loạn Tâm, nên khổ của thô trọng này không phải dễ có thể biết rõ. Ví như ung nhọt nóng bức nếu dùng vật lạnh đắp lên tức sanh tướng lạc. Nếu có tro nóng rơi lên trên ấy liền sanh tướng khổ. Nếu cùng lia cả hai, thì bấy giờ ung nhọt nóng bức kia chỉ có tự Tánh của ung nhọt là khổ hiển hiện phân minh. Như thế đối với phiền não nghiệp đã sanh các Hành thuộc về thô trọng hiện có đã được an lập, cũng giống như ung nhọt nóng bức kia.

Các lạc thọ hiện có trong Tánh của Hành khổ như vật lạnh được đắp lên ung nhọt kia. Các khổ thọ hiện có thì như tro nóng rơi lên trên ung nhọt đó. Các thọ không khổ không lạc hiện có như tự Tánh khổ của ung nhọt khi lia hai tiếp xúc kia.

Lại, trong lạc thọ sanh nhiều nhiễm chấp, thế nên gọi là chỗ tùy

Tăng của tham kia. Ở trong khổ thọ, sanh nhiều giận ghét, vì vậy gọi là chỗ tùy tăng của giận kia. Đối với thọ không khổ không lạc đã hiển hiện thuộc về thô trọng, trong tự thể của Hành hiện có đã an lập. Nơi tánh vô thường đã điên đảo chấp là thường. Nơi Tánh của các khổ, điên đảo chấp là vui. Đối với tánh bất tịnh, điên đảo chấp là tịnh. Đối với tánh vô ngã, điên đảo chấp là ngã. Do đó, nói thọ không khổ không lạc kia là chỗ tùy Tăng của vô minh.

Lại, các kẻ phàm ngu ở trong lạc thọ sanh nhiều chấp trước. Do nhân duyên này nên ở trong hiện pháp thân hành theo hành ác, ngữ hành theo hành ác, ý hành theo hành ác, thân hoại mạng chung, nói rộng cho đến sanh nơi Na-lạc-ca. Lại do yêu thích hữu hậu nên có thể chiêu cảm các khổ như sanh v.v... nơi vị lai. Như thế, lạc thọ là chỗ dựa của tham, nên có thể sanh các khổ nơi năm nẻo trong vị lai.

Lại, đối với khổ thọ khởi nhiều Tâm giận. không thuận theo chỗ mong muốn nên khi tiếp xúc với các sự khổ, liền sanh vô số sâu não oán than cho đến mê loạn. Do nhân duyên ấy nên hành theo ba hành ác, bị đọa vào các nẻo ác. Như thế, khổ thọ là chỗ dựa của sân giận, nên có thể chiêu cảm các khổ của hiện pháp và hậu pháp.

Lại, ở trong thọ không khổ không lạc sanh nhiều Tâm điên đảo, như trên đã nói. Đối với hai thứ khổ, là khổ do tham dựa nơi lạc thọ sanh khởi và khổ do sân dựa nơi khổ thọ sanh khởi, đã sanh tư không xả, khởi hành không xả. Do đó, tuy có rất nhiều phiền não cùng tùy phiền não, nhưng Đức Thế Tôn chỉ lập ba thứ phiền não căn bản, là tham sân si. Dựa nơi mật ý này, Đức Thế Tôn nói: Nên quán lạc thọ là pháp của các khổ. Nên quán khổ thọ cũng như mũi tên độc. Nên quán thọ không khổ không lạc, Tánh là vô thường, là pháp có hoại diệt. Nếu có thể quán như thật về Tánh vô thường, thì lần lượt có thể đoạn trừ tất cả điên đảo. Các hành như thế là sự của đệ nhất nghĩa Khổ Thánh đế. Quán Tất cả Thánh Hiền Thánh Trí rồi, ở trong các thủ uẩn hết sức tịch tĩnh của đệ nhất Hữu hãy còn không vui thích nguyện mong, hướng hồ là trong cõi Na-lạc-ca xấu kém.

Lại nữa, tức ở đây có thể sanh các hành nghiệp cũng phiền não của Hữu sau. Do đạo lý tướng là Tập Thánh đế, nên trong kinh Đức Thế Tôn đã căn cứ nơi đạo lý thù thắng, chỉ hiển bày về ái.

Lại nữa, thô trọng của phẩm phiền não này đã vĩnh viễn diệt trừ, là Diệt đế đã được lập của Niết-bàn hữu dư y Tăng thượng.

Lại, nhân đã vĩnh viễn đoạn trừ nên nơi vị lai không sanh, cùng nhân thọ dụng của đời trước đã dứt hết, tức các hành của hiện tại tự nhiên

tàn diệt, là Diệt đế đã an lập của Niết-bàn Vô dư y Tăng thượng.

Lại nữa, nếu có thể chứng giải chánh kiến hiện có của đệ nhất nghĩa đế cùng chánh kiến là đứng đầu nơi Tất-ca thánh đạo, đó gọi là Đạo đế.

Lại nữa, nhằm khiến cho hành giả đối với Khổ nhận biết khắp, đối với Tập vĩnh viễn đoạn dứt, đối với Diệt Tác chứng, đối với Đạo tu Tập, nên lược kiến lập các tướng của Thánh đế. Nếu kiến lập rộng, nên biết về tướng là vô lượng vô biên.

Lại khiến nhận biết rõ về tướng thô của Khổ đế dùng làm chỗ dựa, dần dần có thể hướng nhập nơi tướng vi tế của đế, nên trước tiên thiết lập các khổ như sanh v.v..., sau mới hiển bày năm thủ uẩn là khổ.

Lại nữa, do năm tướng nên kiến lập các pháp nhận giữ có sai biệt. Đó là:

1. Đoạn thực.
2. Xúc thực.
3. Ý tư thực.
4. Thức thực.
5. Mạng căn.

Nếu là đoạn thực thô, thì ở trong năm nẻo của cõi Dục đều hiện có thể đạt được. Nơi một phần ấy đều riêng đối với Na-lạc-ca, không phải Đại Na-lạc-ca. Các thứ thực còn lại và mạng căn là hiện hữu khắp trong ba cõi đều hiện có thể đạt được. Do nơi các hành giả lập hữu tình, vậy nên Đức Thế Tôn nói các pháp này nhận giữ hữu tình khiến trụ không hoại.

Hỏi: Có bảy nhân duyên nhận giữ các hành khiến trụ không hoại. Vì sao Đức Thế Tôn chỉ nói hữu tình do thực (ăn) mà trụ. Những gì là bảy nhân duyên?

1. Sanh là nhân trụ của các hành. Do các hành sanh mới được có trụ, không có không sanh mà có trụ.

2. Mạng căn.

3. Thực (ăn).

4. Tâm tự Tại thông. Do uy lực của pháp này đã Tăng thêm các hành của thọ mạng, hoặc trụ một kiếp hoặc hơn một kiếp.

5. Nhân duyên hòa hợp, là nhân trụ của các hành, nghĩa là các pháp thiện, bất thiện, vô ký. Cho đến nhân duyên vẫn chưa Tan hoại, thì nơi từng ấy thời gian luôn nối tiếp mà trụ không có đoạn dứt.

6. Do Tác ý thiện, bất thiện, vô ký dẫn phát nghiệp trước có thể dẫn dắt các hành niệm trụ không dứt. Đó là chỗ sanh khởi của nghiệp

phần ngoài chung không chung.

7. Không có các chương ngại. Là nhân trụ của các hành. Do đấy có thể khiến cho các hành khi sanh không có nhân duyên chương ngại. Các hành sanh rồi, tương tự nối tiếp mà trụ, xa lìa nhân duyên trái nhau, hư hoại. Nếu không như thế thì đều phải biệt hoại.

- Đáp: Tuy do bảy thứ nhân duyên như thế nên các hành được trụ, nhưng bốn thứ thực ấy là nhân duyên trụ của các hành chiếm phần nhiều vì do vô số môn có thể khiến các hành nối tiếp mà trụ.

Lại, các thứ thực này có thể khiến cho hữu tình nối tiếp mà trụ, dễ nhận lấy, dễ nhập, cho đến kẻ phàm ngu, trẻ con cũng có thể biết được, không phải như các pháp khác.

Lại, các thứ thực ấy có thể khiến cho đại chúng của các căn bị suy tổn đều được Tăng ích. Lại khiến cho Tật bệnh cũng được trừ khỏi, không phải là các pháp khác.

Lại có các loại hữu tình sống lâu, nếu không được thực thì trong phi thời sẽ mạng yếu.

Lại, các thứ thực này khiến dễ vào đạo, có thể tu bốn thứ niệm trụ như thân v.v... Tất cả hữu tình do thực nên trụ, vì vậy do năm thứ nhân duyên ấy, Đức Thế Tôn chỉ nói hết thấy hữu tình do thực mà trụ. Do đâu lại nói nương dựa nơi mạng căn các hành được sanh? Nghĩa là có xứ ấy từng không ăn uống, có chỗ thiếu thốn, không phải cầu về ăn uống, có chỗ gian khó. Đối với nơi chốn kia, chỉ do uy lực của mạng căn mà trụ, như chỗ chiêm cảm về thọ lượng mà trụ. Vì thế, Đức Thế Tôn dựa nơi xứ sở kia, nói các hữu tình do mạng căn nên các hành được trụ.

Lại nữa, ở đây, đoạn thực nên nói là thuộc về xứ hương, vị xúc. Vì sao? Vì do hương vị xúc tiêu biến đúng đắn liền có thể nuôi lớn, không tiêu biến đúng đắn nên là tổn giảm. Các pháp khác như sắc không có tiêu biến để nuôi lớn, tổn giảm. Do đó nói sắc kia không phải là Tánh của đoạn thực. Nếu các vật của đoạn thực, nơi lúc mới nuốt vào khiến Tâm hoan hỷ, các căn vui thích, nên biết bấy giờ không gọi là đoạn thực, chỉ gọi là xúc thực. Nếu thọ dụng rồi, tiêu biến an ổn, hỷ lạc Tăng trưởng, thì khi tiêu biến mới gọi là đoạn thực. Nếu có vật thọ thực đã tiêu biến xong, nhưng không thể nuôi lớn các căn an lạc, thì sự thọ dụng kia tuy đã tiêu biến xong, nhưng không gọi là đoạn thực. Hoặc các vật của đoạn thực khi mới nuốt vào không sanh hoan hỷ, cũng không thể khiến cho các căn thích thú, nên biết bấy giờ đều không gọi là thực. Tức nơi thời gian sau khi ăn xong, tiêu biến rồi, an ổn, Tăng trưởng an lạc, thì sự ăn kia, lúc này mới gọi là đoạn thực. Nếu có tiêu biến xong,

không Tăng trưởng an lạc thì sự thọ dụng ấy tuy đã tiêu biến rồi, cũng không gọi là ăn.

Hỏi: Nếu có vật của đoạn thực thì cũng là thực chăng? Nếu như là thực thì cũng là vật của đoạn thực chăng?

- Đáp: Như chỗ thích ứng, nên Tạo bốn trường hợp:

1. Hoặc có vật của đoạn thực mà không phải là thực. Nghĩa là các vật của đoạn thực không thể nuôi lớn đại chủng của các căn.

2. Hoặc có trường hợp là thực, mà không phải là vật của đoạn thực. Nghĩa là nếu có xúc, ý tư và thức có thể khiến cho đại chủng của các căn được nuôi lớn.

3. Hoặc có trường hợp là thực, cũng là vật của đoạn thực. Nghĩa là các vật của đoạn thực có thể khiến cho đại chủng của các căn được nuôi lớn.

4. Hoặc không phải là vật của đoạn thực, cũng không phải là thực. Nghĩa là như có xúc, ý tư và thức không thể nuôi lớn đại chủng của các căn.

Như thế, phần còn lại, từ xúc cho đến thức, tùy theo chỗ ứng hợp, đều Tạo bốn trường hợp.

Lại nữa, hoặc pháp có dị thực, hoặc pháp dị thực, hoặc pháp do dị thực sanh, đều nên nhận biết rõ.

Lược nói pháp có dị thực: Nghĩa là lậu cùng hữu lậu. Chúng cần có sức, không bị tổn hại, thọ dụng chưa hết, nên biết đó gọi là pháp có dị thực.

Ở trong các lậu, nếu là bất thiện gọi là “có sức”. Hữu phú vô ký gọi là “không sức”. Ở trong hữu lậu, nếu là thiện, bất thiện, gọi là “có sức”, phần còn lại gọi là “không sức”. Nếu lậu và hữu lậu được hai đạo thế gian, xuất thế gian lia dục đoạn trừ, gọi là “Bị tổn hại”. Cùng với đây trái nhau, gọi là không tổn hại.

Nếu quả dị thực của đời quá khứ đã thành thực, gọi là thọ dụng đã hết. Quả dị thực kia đã là quá khứ nên lại không thật có. Nếu đời vị lai sẽ nhận lấy quả dị thực, hoặc quả dị thực của đời hiện tại đang hiện tiền, thì gọi là thọ dụng chưa hết. Do sai biệt này, nên lậu, hữu lậu cần theo như chỗ ứng hợp. Nếu thiện, bất thiện chưa bị trị đoạn, quả dị thực kia không phải trước đã “thực”, như thế mới gọi là pháp có dị thực. Nếu các vô lậu, hữu lậu vô ký, hoặc hữu lậu thiện, bất thiện đã đoạn, hoặc quả dị thực kia đã thành thực, như thế đều gọi là pháp không dị thực.

Lại, khi lâm chung, Tâm của niệm sau cùng là pháp dị thực. Hoặc Tâm của kết sanh tương tục không gián đoạn cũng là dị thực. Từ đấy về

sau, tất cả Tâm trụ của tự Tánh hiện có đều là dị thực. Trừ thiện, nhiễm ô, cùng trừ Tâm vô ký của gia hạnh, phần còn lại đều gọi là Tâm trụ của tự Tánh. Nếu Tâm lìa dục vẫn cố tùy chuyển, trừ thiện của địa dưới và Tâm vô ký của gia hạnh, nên biết Tâm ấy cũng là dị thực.

Lại, dị thực này đối với tất cả xứ, nên nói chỉ là vô phú vô ký. Nếu từ tất cả dị thực của chủng tử, trừ pháp chưa được đã đoạn, tự chủng tử còn lại là nhân đã sanh. Nếu là thiện, bất thiện hoặc lại vô ký, tất cả như thế nên biết đều gọi là pháp do dị thực sanh.

Lại nữa, tất cả xứ nơi Tâm mất sau cùng, và Tâm thứ nhất thứ hai tương tục theo đấy, ở trong ba cõi, nên biết chỉ có thọ không khổ không lạc. Trừ Tâm tương tục thứ nhất, nên biết thọ này nơi tất cả xứ là thuộc về dị thực. Khổ thọ lạc thọ còn lại nên biết đều là do dị thực sanh. Như chủng tử kia thuộc về dị thực, tức theo nhân ấy duyên ấy là nhân duyên, nên từ dị thực sanh sanh nơi các loài hữu tình của Na-lạc-ca. Dị thực vô gián sanh có dị thực là khổ ưu nối tiếp. Như sanh nơi Na-lạc-ca, hoặc sanh một phần trong Ngạ quỷ và Bàn sanh, nên biết cũng thế. Hoặc sanh trong loài người cũng các cõi trời thuộc Dục giới, không có dị thực vô gián quyết định, hoặc có lúc khổ ưu, hoặc có khi lạc hỷ, hoặc có khi chỉ có thọ không khổ không lạc, mất nối tiếp sanh. Nếu sanh nơi Tịnh lự 1, 2, dị thực vô gián chỉ là dị thực sanh, hỷ thọ tương tục. Nếu sanh nơi Tịnh lự 3, chỉ là dị thực sanh, lạc thọ nối tiếp. Hoặc sanh nơi Tịnh lự 4 trở lên, chỉ có dị thực nơi thọ không khổ không lạc. Do đó nên biết tức thọ này đối với xứ kia gọi là dị thực sanh, thuộc về hỷ lạc rộng lớn. Các nghiệp thiện không khổ không lạc kia, lúc đang hiện tiền, cũng gọi là dị thực khả ái. Cùng với đây trái nhau, nên biết gọi là dị thực không khả ái.

Lại nữa, nghiệp của dị thực trắng trắng đạt được quả dị thực vô phú vô ký, hoàn toàn là thọ đáng yêu thích, thọ thuộc về chủng tử, nên biết hoàn toàn là đáng yêu thích, hợp ý.

Nghiệp của dị thực đen đen, nên biết là trái với đây. Nghiệp của dị thực đen trắng cùng có, hai thứ chủng tử đã gắn liền, quả dị thực đạt được nên biết cũng có hai thứ thọ do dị thực sanh.

Lại, nghiệp đen trắng loại sanh kiến lập sai biệt. Nghĩa là nơi xứ ấy đen trắng cùng có, tức nghiệp của xứ này lập chung là đen trắng.

Lại do sự nên kiến lập sai biệt. Nghĩa là như có một hữu tình, nơi một sự nơi một thời gian khởi Tâm tạo lợi ích mà hiện tiền. Tức ở nơi sự ấy, lại vào một thời gian khởi Tâm không tạo lợi ích mà hiện tiền. Hoặc đoạt lấy vật của kẻ khác mà hành huệ thí. Như thế nên biết, do sự nên

chỗ kiến lập có sai biệt.

Lại do tự Tánh nên kiến lập nghiệp cùng có đen trắng như vậy. Nghĩa là như có một hữu tình, ở một nơi chốn hứa tạo lợi ích, tức do sự khác nên lại ở một nơi chốn Tạo Tác không lợi ích.

Ví như có một hữu tình, ở nơi trú xứ của kẻ bạo ngược tạo ác, phát sanh tư duy sân hận cùng hành, không hỷ đối với kẻ ác kia, nên biết tư duy này là san cùng hành, nên rơi vào trong phần đen. Không hỷ lạc đối với kẻ ác kia cùng hành, nên rơi vào trong phần trắng. Do đó, nghiệp này gọi là đen-trắng. Như vậy, chủng loại còn lại cũng thế.

Lại nữa, nếu chủng tử hiện có của các pháp thiện bất thiện vô ký chưa bị tổn hại, thì tất cả pháp kia, đều do nhân sanh khởi có thể sanh, nên gọi là pháp có nhân.

Lại, trước đã tạo các nghiệp phiền não, ở trong ba cõi, quả dị thực đã thực, thì quả dị thực này do nhân dẫn phát của nghiệp phiền não, nên gọi là pháp có nhân.

Lại do nhân dẫn phát của ba xứ đang hiện tiền, nên sanh trong thai sanh, nên biết đây cũng gọi là pháp có nhân.

Ấm thấp hòa hợp nên sanh trong thấp sanh. trứng bọc giấu nên sanh trong noãn sanh, nên biết cũng thế.

Lại, sáu thức thân do từ nhãn sắc cho đến ý pháp là nhân đồng sự của duyên Tăng thượng, nên gọi là pháp có nhân.

Lại có các Tâm Tâm sở câu sanh, cùng lần lượt là nhân đồng sự, nên gọi là pháp có nhân.

Lại, pháp bất thiện do gần với bạn ác, nghe pháp không chân chánh, là nhân dẫn phát của tư duy không chân chánh, nên gọi là pháp có nhân. Nên biết ba thứ nhân dẫn phát, cùng với đây trái nhau, nên tất cả pháp thiện gọi là pháp có nhân.

Lại, trụ nhiễm ô sanh tinh tấn tà vạy, lao nhọc không quả, sanh trụ ưu khổ, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Lại, trụ không nhiễm ô sanh tinh Tấn chân chánh, lao nhọc có quả, sanh trụ hỷ lạc, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Lại, đạo thế gian hưởng đến lìa dục, cùng có thể dẫn phát Tĩnh lự vô sắc, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Lại, trong hiện pháp, Tĩnh lự vô sắc, đẳng chí là chỗ dựa, như chỗ ứng hợp, sanh đến địa trên, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Lại, pháp thế gian dẫn khởi pháp xuất thế gian, chúng do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.



Lại, pháp xuất thế gian thuộc về Thánh đạo, có thể chứng đắc Niết-bàn. Sự chứng đắc ấy do nhân dẫn phát nên gọi là pháp có nhân.

Do đã nói về các tướng như thế, nên biết là đã kiến lập các pháp có nhân.

Lại nữa, ở đây pháp của nhân sanh khởi có thể sanh, chúng do đều có quả đẳng lưu riêng, nên gọi là pháp có quả.

Nếu các nghiệp cùng phiền não của Hữu sau, chúng do đều có quả dị thực riêng, nên gọi là pháp có quả.

Hoặc có ba xứ đang hiện tiền, hoặc ẩm thấp hòa hợp đang hiện tiền, hoặc trứng bọc giấu, hoặc nhãn sắc v.v..., hoặc các Tâm Tâm sở kia cùng sanh, hoặc gần gũi với bạn ác, hoặc thân cận với bạn thiện v.v..., tất cả hai thứ ba pháp như thế đều do có riêng quả Tăng thượng, nên gọi là pháp có quả.

Hoặc trong hiện pháp, trụ nhiễm ô sanh tinh tấn tà vạy, lao nhọc không quả, sanh trụ ưu khổ. Hoặc trong hiện pháp, trụ không nhiễm ô, sanh tinh tấn chân chánh, lao nhọc có quả, sanh trụ hỷ lạc, tất cả như thế đều do có riêng quả sử dụng, nên gọi là pháp có quả.

Hoặc đạo thế gian hướng đến lìa dục sanh, chúng do quả ly hệ tăng thượng, nên gọi là pháp có quả.

Lại có thể dẫn sanh đạo xuất thế gian cùng có thể chứng đắc Thánh đạo xuất thế gian là Niết-bàn, chúng do quả ly hệ Tăng thượng nên gọi là pháp có quả. Nghĩa là do quả ly hệ rốt ráo, nên gọi là pháp có quả.

Hoặc đạo thế gian, không phải do quả ly hệ rốt ráo, nên gọi là pháp có quả. Nên biết đó gọi là hai đạo sai khác.

Do đã nói về các tướng như thế, nên biết là đã kiến lập tướng sai biệt của các pháp có quả. Nghĩa là, theo chỗ ứng hợp lập quả Đẳng lưu, hoặc quả Dị thực, hoặc quả Tăng thượng, hoặc quả sử dụng, hoặc quả ly hệ.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là kiến lập pháp không có nhân, pháp không có quả.

Lại nữa, pháp duyên sanh, nghĩa là pháp không có chủ thể, không có tác giả, như trong phần quyết trạch về duyên khởi thiện xấu thuộc ý địa ở trước đã phân biệt rộng.

Lại nữa, lược do năm nhân, nên biết đã kiến lập pháp nội có sai biệt. Do nhân ấy nên gọi là nội. Những gì là năm nhân?

1. Giả danh.
2. Vọng chấp.



3. Tăng thượng.
4. Thâu nhận chủng tử.
5. Sự.

Nếu ở nơi xứ này, giả tưởng kiến lập chủng loại như thế. Tức như lập là ngã, hoặc lập hữu tình, chúng với tên gọi như vậy, sanh loại như vậy, nói rộng cho đến thọ lượng như vậy. Như thế gọi là do giả danh nên nói là pháp nội.

Hoặc nơi xứ này vọng khởi chủng loại như thế để chấp trước. Tức như chấp là ngã hoặc khởi ngã mạn. Như vậy gọi là do vọng chấp nên nói là pháp nội.

Hoặc do sức Tăng thượng của pháp ấy, nên ngoại xứ như sắc, thanh v.v... sanh sai biệt làm chỗ thọ dụng. Như thế gọi là do Tăng thượng nên nói là pháp nội.

Hoặc có thể thâu nhận chủng tử của các pháp thiện bất thiện vô ký, như thế gọi là do thâu nhận chủng tử nên nói là pháp nội.

Hoặc năm thứ sắc thanh tịnh, hoặc Tâm ý thức, như thế gọi là do sự nên nói là pháp nội.

Lại có giả danh, nên kiến lập pháp khác là nội có thể đạt được. Vì sao? Vì những thứ thuộc về ngoại xứ, nội có thể đạt được, cũng gọi là nội.

Lại nữa, nên biết năm uẩn thuộc về danh sắc. Vì sao? Vì do các xứ kia tăng trưởng có thể đạt được. Tiếp xúc bằng tay chân đất đá v.v... tức liền biến hoại. Do đó, sắc uẩn gọi là sắc, bốn uẩn còn lại, do vô số danh nêu đặt uy lực, do vô số danh thiết lập làm chỗ dựa, phần nhiều ở nơi đối tượng duyên kia lưu chuyển, hưởng đến. Thế nên bốn uẩn vô sắc như vậy gọi là danh.

Lại nữa, lược do năm tướng nên kiến lập các pháp chấp thọ có sai biệt. Những gì là năm? Đó là:

Nghĩa là, đầu tiên chỉ có sắc gọi là chấp thọ. Nên biết lời ấy là nhằm ngăn chặn Tâm Tâm sở, vì chúng không phải là chấp thọ.

Lại, ở trong sắc, nội căn hiện có, thuộc về chỗ dựa của căn, gọi là chấp thọ. Nên biết lời này là nhằm ngăn chặn bên ngoài không thuộc sắc căn, vì chúng chẳng phải là chấp thọ.

Lại, Tâm, Tâm sở nhận giữ không xả bỏ, gọi là chấp thọ. Nên biết câu này là nhằm ngăn chặn phần dựa thuộc về căn như tóc, lông, móng v.v..., cùng ngăn chặn phần nội thân hiện có sau khi chết, vì chúng không phải là chấp thọ.

Lại, sắc chấp thọ do chỗ biến dị của bốn nhân duyên, nên gọi là

chấp thọ. Những gì là bốn?

1. Do ngoại sắc bức xúc.
2. Do nội giới trái nhau với chỗ dẫn phát bình đẳng.
3. Do các phiền não triển như tham sân v.v..., hiện hành nhiều.

4. Do cảnh của đối tượng duyên được xét lường kỹ. Tức là do ngoại sắc có thể tổn não, thì sắc có chấp thọ hiện tiền bức não, tức liền sanh khổ, sanh bi, sanh não. Nếu có ngoại sắc có thể Tạo lợi ích, thì sắc có chấp thọ hiện tiền xúc đối, tức liền sanh lạc, an ổn, lợi ích. Hoặc có nội giới lại cùng trái nhau, liền sanh khổ não. Chúng nếu bình đẳng thâm nhận an lạc.

Lại, nếu phiền não như tham v.v... não loạn, tức liền sanh khổ, phát khởi giận dữ mãnh liệt. Lại, cảnh nơi đối tượng duyên của xét lường kỹ Tà vạy, hoặc cảnh nơi đối tượng duyên được xét lường kỹ, đúng đắn, liền khởi khinh an hỷ lạc thâm nhận.

Lại, vì tổn hại hoặc vì tạo lợi ích, nên gọi là biến dị. Như thế, hoặc sắc, hoặc nội, hoặc Tâm Tâm sở nhận giữ không xả, hoặc duyên như thế khiến thành biến dị, đó gọi là các pháp chấp thọ có sai biệt. Cùng với đây trái nhau, nên biết đó gọi là pháp không chấp thọ.

Lại nữa, nếu bốn đại chủng cùng đại chủng tạo nên, nên biết đây chỉ gọi là pháp có sắc.

Hỏi: Như bốn đại chủng do chủng tử của chính mình mới được sanh khởi, sắc được tạo cũng thế. Do đâu nói là các sắc được tạo là do đại chủng tạo ra?

- Đáp: Nếu các sắc căn cùng trong Tâm có chủng tử của các đại, chúng gắn liền, tức có chủng tử của sắc được tạo gắn chặt. Nếu chủng tử hiện có của các đại chủng, lúc có thể sanh quả, bấy giờ tất định có thể gắn liền, và chủng tử của sắc được tạo kia cũng sanh tự quả, nên nói là sắc được tạo do đại chủng tạo. Chủng tử của đại chủng gắn liền với sắc căn, gọi là có phương sở. Chủng tử của đại chủng tùy theo căn vô sắc, gọi là không có phương sở.

Lại, các đại chủng lược có hai loại:

1. Chỉ thuộc về cõi.
2. Có thể Tạo tự nghiệp.

- Chỉ thuộc về cõi: Nghĩa là chủng tử hiện có của các đại chủng.

- Có thể Tạo tự nghiệp: Nghĩa là từ tự chủng tử đã sanh khởi đại chủng.

Lại, các đại chủng cùng với sắc được tạo, cùng thời mà có, cùng không lìa nhau. Do chủng loại nhân kia được thành, như một khối vị lại

cùng lan nhập khắp Tất cả xứ, không phải như một đồng hạt lúa hay một viên ngọc ma-ni.

Lại, ở trong toàn bộ tụ sắc chắc chắn, chỉ có địa giới có thể tạo nghiệp dụng. Hoặc nơi cõi Dục cũng có giới sắc hương vị tạo nghiệp. Ở trong cõi sắc, chỉ có giới sắc là có thể tạo nghiệp dụng. Các giới Thủy, Hỏa, Phong cùng với giới Thanh, chỉ có chỗ gắn liền của chủng tử, lại đời duyên khác mới có thể tạo nghiệp. Như thế, ở trong tụ danh tướng của Thủy Hỏa Phong, như chỗ ứng hợp thứ lớp cũng vậy.

Trong tụ của nội sắc, tất cả các Giới như địa v.v... tạo nghiệp đâu có thể đạt được đầy đủ. Nghĩa là có vô số sai biệt như tóc, lông v.v... nói rộng như nơi kinh. Nên biết, bên ngoài có được đều có riêng các tụ như địa v.v... Chúng nếu gặp được các duyên sai biệt như thế như thế, tức liền có thể tạo quả pháp sinh nhân như vậy như vậy. Ví như khéo léo dùi xát nơi gỗ khô tức liền sanh lửa. Lại như các vật bạch lạp, chì, thiếc, vàng, bạc được nung chảy tức thành nước.

Lại nữa, như nơi địa năm thức thân tương ứng đã nói Tánh trơn nhám v.v... thuộc về xúc xứ, nên biết đều là chỗ sai biệt của đại chủng, tùy theo phẩm loại của đại chủng như thế mà phần vị có sai khác. Như chỗ ứng hợp đối với bốn đại chủng nêu đặt giả gọi là Tánh trơn nhám v.v... Do đó nên biết đều là giả có.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Xúc nghĩa là ngoại xứ, hoặc bốn đại chủng, hoặc bốn đại chủng tạo ra, có sắc, không thấy, có đối, là có mặt ý gì chăng?

Đáp: Các đại chủng này nên biết có thể sanh hai thứ sắc tạo:

1. Tự loại sai biệt.
2. Dị loại sai biệt.

- Sắc tạo tự loại sai biệt: Tức các thứ trơn nhám v.v... do đại chủng tạo. Do nhân như thế, duyên như thế. Các đại chủng này mỗi mỗi thứ đều biến dị sai biệt mà sanh, đối với chúng giả nói về Tánh trơn nhám v.v... với vô số sai biệt.

- Sắc tạo dị loại sai biệt: Là năm sắc xứ nội như nhãn, nhĩ v.v... bốn sắc xứ ngoại và một phần phán xứ, chỉ trừ xúc xứ. Đức Thế Tôn dựa nơi sắc được tạo của tự loại sai biệt kia, nên nói là hoặc bốn đại chủng đã tạo.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói có sắc không thấy không đối, nên nói là những đại chủng nào đã tạo?

Đáp: Nếu Tâm định kia tư duy về các pháp có sắc thuộc cõi Dục, sanh khởi ảnh tượng, nên nói là đại chủng của cõi Dục đã tạo. Nếu Tâm

định kia tư duy về các pháp có sắc thuộc cõi Sắc, sanh khởi ảnh tượng, nên nói là đại chủng của Sắc giới đã tạo. Nơi pháp của sắc do đại chủng đã tạo ấy, văn quyết trạch còn lại không đề cập đến nữa.

Lại nữa, thế nào là pháp có? Nghĩa là tất cả pháp thế gian gọi là pháp có.

Hỏi: Pháp thiện thế gian như A-la-hán v.v... là thế gian nên tức thuộc về có. Do nhân duyên nào nên nói là vô lậu?

Đáp: Rơi vào ba hữu nên gọi là thuộc về có. Các tùy miên lậu đã vĩnh viễn giải thoát nên gọi là vô lậu.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: Thế nào là pháp hữu lậu? Đó là ý thế gian, pháp thế gian, ý thức thế gian. Đây là có mặt ý gì?

Đáp: Đức Thế Tôn đã dựa vào ý pháp cùng với ý thức của thế gian chẳng đoạn, nên đoạn kia, nên nói như vậy. Ở đây, Đức Thế Tôn nói nhiều thứ hữu, nghĩa là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Chúng được kiến lập rộng như nơi địa huệ do văn tạo thành, phần Phật chỉ dạy về xứ nên nhận biết.

Lại nữa, thế nào là pháp hữu thượng? Nghĩa là trừ Niết-bàn, hết thảy pháp còn lại. Do năm nhân duyên nên biết Niết-bàn là pháp vô thượng:

1. Tập đế đã tịch diệt.
2. Khổ đế đã tịch diệt.
3. Lìa mọi sợ hãi tai họa, bệnh tật, đạt an ổn lớn.
4. Đối tượng duyên của hiện pháp lạc trụ vô thượng, nghĩa là trụ vô tướng.
5. Thường trụ rốt ráo với nghĩa an lạc không hư dối.

Năm nhân như thế không phải ở nơi xứ khác tập hợp chung có thể đạt được. Chỉ đối với Niết-bàn là tất cả có thể đạt được. Do đó nói Niết-bàn là pháp vô thượng.

Lại nữa, thế nào là pháp nên tu? Nghĩa là tất cả pháp hữu vi thiện. Ở đây nên biết lược có bốn thứ tu:

1. Tu đắc.
2. Tu tập.
3. Tu trừ bỏ.
4. Tu đối trị.

Nếu pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh nên tác ý tu tập, đó gọi là tu đắc.

Pháp thiện đã sanh, khiến trụ không quên, cho đến nói rộng, đó gọi là tu tập.

Pháp bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ nên tác ý tu tập, đó gọi là tu trừ bỏ.

Pháp bất thiện chưa sanh, vì khiến chúng không sanh nên đối với các môn đối trị như chán bỏ tác ý tu tập, đó gọi là tu đối trị.

Nên biết trong đây, từ tác ý biết rõ tướng cho đến tác ý thắng giải, gọi là tu đối trị chán bỏ. Từ tác ý xa lìa cho đến tác ý phương tiện cứu cánh, gọi là tu đối trị đoạn trừ.

Từ đây trở lên, tức tất cả bảy thứ tác ý ấy, tùy nơi địa thù thắng thuộc về địa trên, nên biết hết thảy gọi là tu đối trị phần xa. Bốn thứ tu này, tất cả gọi chung là hai thứ tu:

1. Tu phòng hộ thọ trì.
2. Tu Tác ý tư duy.

Ở đây, tu thân gọi là tu phòng hộ. Tu giới gọi là tu thọ trì. Nếu tu tác ý nơi địa Tĩnh lự, hoặc tu tác ý nơi địa Đế trí, gọi chung là tu tác ý tư duy, trong ấy, tu tác ý thứ nhất gọi là tu Tâm, tu tác ý thứ hai gọi là tu huệ.

Lại nữa, thế nào là pháp quá khứ? Nghĩa là nhân đã thọ hết, tự Tánh đã diệt, vô gián làm duyên để sanh pháp khác. Trừ Tâm sau cùng của A-la-hán đã huân Tập nối tiếp, tuy là đã diệt, nhưng trải qua trăm ngàn kiếp, vẫn có thể khiến cho dị thực của quả ái không ái kia sẽ thành thực.

Như chỗ lãnh nhận các sự quá khứ, hoặc một sự chỉ có thể sanh khởi nhớ nghĩ, hoặc lại có một sự không sanh nhớ nghĩ chỉ diệt chỗ hiển bày không có Tác dụng. Đó gọi là các pháp quá khứ có sai biệt.

Pháp quá khứ này lược do năm tướng, nên biết đã kiến lập sự có sai biệt. Những gì là năm? Đó là:

- Hoặc có pháp quá khứ của sát-na. Nghĩa là ở trong tất cả hành của sát-na, là các hành hiện có của sát-na trở về sau.

- Lại, hoặc có pháp quá khứ chết mất. Nghĩa là các loại hữu tình kia, chúng đồng phạm đã mất, nói rộng cho đến lúc chết và Tạo Tác.

- Lại, hoặc có pháp quá khứ của kiếp hoại. Nghĩa là thuộc về khí thế gian, do Tai họa như lửa đã hủy hoại hết thảy.

- Lại, hoặc có pháp quá khứ thối chuyển mất. Nghĩa là như có một hữu tình đối với trụ an lạc của các công đức thiện đã được từ trước, theo loại thối chuyển mất.

- Lại, hoặc có pháp quá khứ Tận diệt. Nghĩa là Tận diệt hiện có trong cảnh giới Niết bàn Hữu dư y và Vô dư y.

Lại nữa, thế nào là pháp vị lai? Nghĩa là nhân chưa thọ, tự Tánh

chưa thọ, đời duyên sẽ sanh, cùng khởi hiện tiền. Hoặc sẽ sanh gần, hoặc sẽ sanh xa, cũng do năm tướng nên kiến lập có sai biệt. Đó là:

1. Vị lai của sát na.
2. Vị lai của một đời.
3. Vị lai của kiếp thành.
4. Vị lai của hiện hành.
5. Vị lai nên đạt được.

Lại nữa, thế nào là pháp hiện tại? Nghĩa là nhân đã thọ dụng, tự Tánh thọ dụng chưa hết. Sát-na trở về sau quyết định hoại diệt tất cả tạp nhiễm đã hiển bày, một phần thanh tịnh đã hiển bày. Cũng do năm tướng nên kiến lập có sai biệt:

1. Hiện tại của sát na.
2. Hiện tại của một đời.
3. Hiện tại của kiếp thành.
4. Hiện tại hiện hành.

5. Hiện tại của sau cùng: là Tâm Tâm sở sau cùng của A-la-hán.

Lại nữa, thế nào là pháp thuộc cõi Dục? Nghĩa là, nơi cõi Dục hoặc sanh hoặc trưởng, chưa lìa dục của cõi Dục, Tâm không tại định. Ở trong phần vị này, các pháp hiện có hoặc sanh đắc hoặc tác ý, đã hành, đang hành, sẽ hành. Đó gọi là pháp thuộc cõi Dục.

Lại nữa, thế nào là pháp thuộc cõi Sắc? Nghĩa là sanh nơi cõi Dục, có thể hiện chứng nhập, theo một Tĩnh lự đã lìa dục của cõi Dục, chưa lìa dục của cõi Sắc, chưa phát khởi gia hạnh trên, hoặc từ định kia khởi các pháp của ý địa thế gian hiện có, do tác ý nên đã hành đang hành sẽ hành. Đó gọi là các pháp thuộc cõi Sắc.

Hoặc sanh nơi cõi Sắc, chưa lìa dục của cõi này, chưa phát khởi gia hạnh trên, hoặc sanh đắc hoặc tác ý, các pháp thế gian đã hành đang hành sẽ hành. Như thế cũng gọi là pháp thuộc cõi Sắc.

Như pháp thuộc cõi Sắc, pháp thuộc cõi Vô sắc, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, thế nào gọi là pháp thiện? Nghĩa là, nếu lược nói có hai nhân duyên, nên tất cả pháp thiện gọi là thiện. Tức là tự Tánh không điên đảo, cũng có thể đối trị pháp điên đảo và an ổn. Vì sao? Vì tất cả pháp thiện tự Tánh không điên đảo đối với đối tượng duyên chuyển. Lại có thể đối trị pháp nhiễm điên đảo nơi đối tượng duyên chuyển. Có thể đi đến nẻo thiện, chứng đắc Niết-bàn nên gọi là an ổn. Cùng trái nhau với hai nhân duyên này, nên biết là bất thiện, nghĩa là tự Tánh điên đảo

cùng không an ổn. Các pháp vô ký Tánh phi điên đảo, cũng không thể đối trị các pháp điên đảo. Tánh phi an ổn, phi không an ổn.

Lại do năm tướng nên biết đã kiến lập pháp thiện có sai biệt:

1. Chiêu cảm quả đáng yêu thích nơi vị lai.
2. Đối trị Tập nhiễm. Nghĩa là có thể đối trị các thứ bất tịnh như tham v.v... Cho đến Tám chi Thánh đạo đối trị tất cả các pháp Tập nhiễm.
3. Tập nhiễm tịch diệt đã hiển bày, đó là Niết-bàn.
4. Trụ thanh tịnh đã hiển bày. Nghĩa là đã lìa dục, trụ nơi hiện pháp lạc trụ thiện của Thánh v.v...
5. Tạo lợi ích cho hữu tình đã hiển bày. Nghĩa là đã lìa dục, vì thương xót hữu tình và hàng Thanh văn khác, nên các Bồ Tát cùng với Như lai hiện bày vô số hành thiện lợi tha hiện có.

Lại do năm thứ tướng nên kiến lập các pháp bất thiện có sai biệt. Tức cùng với năm thứ trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Lại do năm nhân duyên nên pháp thiện hưng thịnh:

1. Gia hạnh.
2. Hành Tập từ đời trước.
3. Thâu nhận công đức thù thắng.
4. Do xứ sự của phước điền.
5. Do tự Tánh.

Nghĩa là các pháp thiện được gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh cần trọng nơi mọi tạo tác. Hoặc đã Tạo Tác vô lượng phẩm sai biệt. Tức tự làm, hoặc ở nơi xứ này khuyến khiến kẻ khác làm.

Dùng vô lượng môn để vui mừng, an ủi, khen ngợi, thấy kẻ đồng pháp, Tâm sanh hoan hỷ sâu xa. Nên biết đó gọi là do gia hạnh nên pháp thiện hưng thịnh.

Lại, các pháp thiện từng ở trong đời khác hoặc tu hoặc Tập, hoặc tu Tập nhiều. Do nhân duyên ấy, nên trong đời hiện Tại, Tánh đối với pháp thiện, Tâm có thể hưởng nhập, đối với các pháp bất thiện luôn chống, tránh mà trụ. Nên biết đó gọi là do hành Tập từ đời trước nên pháp thiện hưng thịnh.

Lại, các pháp thiện thuộc về địa dưới, do các vị đã lìa dục thế gian cùng thấy thánh tích, hoặc đối với giải thoát, hoặc đối với Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, thâm Tâm hồi hướng, lìa các “kiến thú”, nên biết đó gọi là do thâu nhận công đức thù thắng nên pháp thiện hưng thịnh.

Lại, các pháp thiện, đối với phước điền lớn, dùng sự thắng diệu thiết lập chỗ sanh khởi của xứ tôn trọng. Nên biết đó gọi là do xứ sự của



phước điền nên pháp thiện hưng thịnh.

Lại, các pháp thiện, hoặc do thế Tạo thành, đối với Giới, tu, tự Tánh là kém. Hoặc do Giới Tạo thành, đối với thí Tạo thành tự Tánh là hơn, đối với tư Tạo thành, tự Tánh là kém. Hoặc có pháp thiện hiện có do tu Tạo thành, đối với Thí, với Giới, tự Tánh đều hơn. Nên biết đó gọi là do tự Tánh nên pháp thiện hưng thịnh. Cùng với năm nhân duyên ấy trái nhau, nên biết đó gọi là pháp bất thiện khởi mạnh.

Lại do năm tướng, nên kiến lập các pháp vô ký có sai biệt:

1. Vô ký của dị thực sanh.
2. Vô ký của đường oai nghi.
3. Vô ký của xứ công xảo.
4. Vô ký biến hóa.
5. Vô ký của tự Tánh.

Ở đây, vô ký của tự Tánh nghĩa là các sắc căn, là sự nuôi lớn cùng các xứ có sắc bên ngoài, không phải thuộc về dị thực, trừ xứ sắc xứ thanh thiện, nhiễm ô.

Lại nữa, thế nào là pháp Học? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la Hữu học, hoặc là Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn. Hoặc pháp Hữu vi xuất thế gian. Hoặc pháp thiện thế gian. Đó gọi là pháp Học. Vì sao? Vì nương dựa nơi pháp này, ở trong mọi thời gian tinh Tấn tu học về Giới học Tăng thượng, Tâm học Tăng thượng, Huệ học Tăng thượng.

Thế nào là pháp Vô học? Nghĩa là bậc A-la-hán, các lậu đã hết. Hoặc pháp hữu vi xuất thế gian. Hoặc pháp thiện thế gian. Đó gọi là pháp Vô học.

Thế nào là pháp phi Học phi Vô học? Nghĩa là trừ pháp Học pháp Vô học đã nói ở trước, pháp của Dự lưu cho đến A-la-hán còn lại, hoặc gắn liền với sự tương tục của tất cả hàng phàm phu, hoặc các pháp hiện có Tăng thượng kia. Nên biết đó gọi là pháp phi học, phi vô học.

Lại nữa, thế nào là pháp do kiến đạo đoạn trừ? Nghĩa là năm kiến như thân kiến v.v..., cùng dựa nơi các kiến khởi tham sân mạn, hoặc vô minh tương ưng, hoặc vô minh không chung đối với các đế, hoặc nghi nơi đế, cùng các nghiệp đi đến hết thủy nẻo ác. Đó gọi là pháp do kiến đạo đoạn trừ.

- Thế nào là pháp do tu đạo đoạn trừ? Nghĩa là tất cả pháp Hữu lậu thiện, tất cả pháp vô phú vô ký, trừ các pháp nhiễm ô trước đã nói, là pháp nhiễm ô còn lại. Đó gọi là pháp do tu đạo đoạn trừ.

- Thế nào là pháp không đoạn? Nghĩa là tất cả pháp xuất thế gian của bậc hữu học. Tất cả các pháp hiện có trong sự nối tiếp của bậc Vô

học. Ở đây, hoặc pháp xuất thế, nơi tất cả thời, tự tánh tịnh nên gọi là không có đối tượng đoạn. Pháp thế gian còn lại do đã đoạn nên gọi là không đoạn.

Lại nữa, thế nào là pháp thâm diệu khó thấy? Nghĩa là tất cả pháp, nên biết đều là hết sức sâu xa khó thấy. Vì sao? Vì pháp hết sức sâu xa khó thấy bậc nhất, đó là tự tánh dứt tuyệt mọi thứ hý luận, vượt quá đường ngôn ngữ, nhưng do ngôn thuyết làm chỗ nương dựa, nên mới có thể giữ lấy, có thể quán xét, có thể hiểu biết. Do đó nên biết, hết thấy các pháp là thâm diệu khó thấy. Như thế là đã nói về sự kiến lập có sai biệt với: pháp có sắc không sắc, pháp có thấy không thấy, pháp có đối không đối, pháp hữu lậu vô lậu, pháp có tranh không tranh, pháp có nhiễm không nhiễm, pháp dựa nơi đấm chấp dựa nơi xuất ly, pháp thế gian xuất thế gian, pháp rơi rớt không rơi rớt, pháp hữu vi vô vi, pháp của đối tượng biết, thấy, duyên, pháp trụ giữ, pháp có dị thực không dị thực, pháp có nhân không nhân, pháp có quả không quả, pháp duyên sanh, pháp nội, pháp thuộc về danh sắc, pháp chấp thọ không chấp thọ, pháp do đại chủng tạo không do đại chủng tạo, pháp có không có, pháp nên tu, pháp hữu thượng vô thượng, pháp quá khứ hiện tại vị lai, pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, pháp thiện bất thiện vô ký, pháp học vô học phi học phi vô học, pháp do kiến đoạn đoạn do tu đạo đoạn không phải đoạn, pháp thâm diệu khó thấy.

Nếu có hành giả khéo tư duy về chỗ nên tư duy, tất phải nên tinh tấn tạo phương tiện tư duy như lý, xét chọn các pháp như vậy. Ở trong địa này, văn quyết trạch còn lại không đề cập đến nữa.

